

Những biến thể về phương thức cấu tạo phụ âm đầu trong các tiếng địa phương miền Bắc Việt Nam

ĐINH LÊ THƯ

Đối lập về phương thức cấu âm là một trong những đối lập quan trọng nhất của phụ âm. Mặc dù vậy, cho đến nay việc nghiên cứu các biến dạng về phương thức cấu tạo phụ âm đầu trong các tiếng địa phương miền Bắc Việt Nam hầu như chưa được chú ý đến. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến việc miêu tả hệ thống ngữ âm tiếng địa phương miền Bắc chủ yếu chỉ đề cập đến phát âm Hà Nội trên những nét chung, mà chưa đi sâu miêu tả sự hiện thực hóa đa dạng về ngữ âm của các thể đối lập về phương thức cấu âm trong tiếng Hà Nội cũng như trong các tiếng địa phương khác.

Bài viết này đề cập đến sự hiện thực hóa về mặt ngữ âm của các phụ âm tắc và phụ âm xát trong các tiếng địa phương miền Bắc, nhằm tiếp tục miêu tả những đặc điểm cơ bản của phụ âm đầu các tiếng địa phương nói riêng và tiếng Việt nói chung, sau khi đã nghiên cứu sự hiện thực hóa về mặt ngữ âm của thể đối lập hữu thanh — vô thanh.

Việc phân tích một cách chi tiết về mặt ngữ âm cùng với việc sử dụng một số máy móc để nghiên cứu đã cho phép bổ sung và chính xác hóa một số tài liệu truyền thống về ngữ âm các tiếng địa phương, thu được nhờ phương pháp phân tích bằng thính giác, và tạo một cơ sở đáng tin cậy để góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận trong lĩnh vực phương ngữ học và ngữ âm học đại cương như về mối quan hệ giữa âm vị học và ngữ âm học, về giá trị âm vị học của các giai đoạn cấu âm phụ âm, vấn đề cơ sở cấu âm của các tiếng địa phương, các loại hình phụ âm tắc và phụ âm xát v.v...

Các phương pháp nghiên cứu cấu âm và âm học của chúng tôi gồm:

- 1) Phương pháp ngắc đồ để nghiên cứu vị trí và phương thức cấu âm.
- 2) Phương pháp phân tích trên máy Oexylôgrap, nhằm tìm hiểu phương thức cấu âm, tính chất hữu thanh — vô thanh, độ dài, độ mạnh...
- 3) Phương pháp phân tích bằng thính giác.

Tài liệu nghiên cứu được chia ra làm hai loại, tương ứng với phương pháp nghiên cứu:

— Để chụp hình ngạc, chúng tôi nhờ 8 người quê ở các địa phương Hà Nội, Sơn Tây, Phú Thọ, Thái Bình đọc những âm tiết rời (âm tiết mở hay âm tiết kết thúc bằng phụ âm môi), trong đó các phụ âm đầu xuất hiện trước nguyên âm/a/. Tổng cộng đã chụp gần 300 ngạc đồ.

— Để phân tích trên máy Ôxylôgrap và phân tích thính giác chúng tôi đã ghi âm 164 câu ngắn, trong đó các phụ âm đầu xuất hiện ở những bối cảnh ngữ âm khác nhau, những câu này cũng được 8 người đọc vào máy. Tổng cộng đã phân tích gần 1.300 sơ đồ ôxylôgram.

1 — Sự hiện thực hóa về mặt ngữ âm của các phụ âm đầu tắc (nổ).

Trong tiếng Việt cũng như trong các ngôn ngữ khác, phụ âm tắc thuộc vào phạm trù phụ âm bền vững nhất và rất đa dạng về số lượng các khả năng tương liên và là loại tương liên cơ bản về phương thức cấu âm. So với các phụ âm khác, phụ âm tắc có tính phụ âm rõ ràng nhất, nếu như coi tính chất đặc thù của phụ âm là sự tạo thành và vượt qua chướng ngại.

Đối lập giữa các phụ âm tắc và phụ âm sát, tức là đối lập giữa gián đoạn và liên tục, theo thuật ngữ của những người đề xướng học thuyết lưỡng phân các nét khu biệt âm vị học Jakobson, Fant, Halle /1/. Từ quan điểm cấu âm, đặc trưng gián đoạn được xác định bởi sự đóng và mở đột ngột của chướng ngại hay sự gián đoạn đột ngột của quá trình cấu âm. Tính gián đoạn đặc trưng cho các phụ âm tắc và phụ âm rung, trong khi tính liên tục đặc trưng cho các phụ âm sát và phụ âm bền. Về mặt âm học, sự gián đoạn đặc trưng bởi sự vắng mặt âm thanh (ít ra là ở vùng tần số cao hơn tần số âm cơ bản), và sự lan truyền nhanh chóng của năng lượng trên một dải tần số rộng (đoạn chuyển tiếp được thực hiện dưới hình thức nổ, hay ở nguyên âm là sự biến đổi đặc tính của F₀oocmăng). Còn tính liên tục — tức là không có đoạn chuyển tiếp đột ngột giữa âm thanh và sự vắng mặt của âm thanh.

Trên đường ghi ôxylôgrap phụ âm đầu tắc nổ được biểu thị bằng đường zê rô âm học ở giai đoạn tắc (đối với phụ âm vô thanh) và sự bật ra ngắn với tiếng ồn tần số cao. Còn phụ âm sát luôn luôn có tiếng ồn tần số cao suốt thời gian phát âm. Phụ âm tắc thường được xác định như những phụ âm có cường độ mạnh, còn phụ âm sát là những phụ âm có cường độ yếu. Về mặt độ dài, phụ âm tắc thường ngắn hơn phụ âm sát tương ứng. Tỷ lệ về độ dài giữa phụ âm tắc và phụ âm sát trong tiếng Việt là 1 : 1,19. So với phụ âm hữu thanh và vô thanh (với tỷ lệ về độ dài là 1 : 1,66) thì sự khác biệt về độ dài giữa phụ âm tắc và phụ âm sát không rõ rệt bằng.

Đặc điểm quan trọng của hệ thống ngữ âm tiếng Việt là các phụ âm đầu bao giờ cũng có ba giai đoạn cấu âm: tiến, giữ, lùi. Còn các phụ âm cuối là những phụ âm khép, không có giai đoạn cấu âm thứ ba. Đối với phụ âm tắc, độ dài của giai đoạn tắc và giai đoạn bật ra (tức giai đoạn lùi) có ý nghĩa quan trọng. Nó thay đổi phụ thuộc vào vị trí cấu âm của phụ âm, và giúp ta phân biệt các loại hình phụ âm tắc cũng như phân biệt phụ âm tắc với phụ âm sát, phụ âm tắc với phụ âm tắc sát.

Trong các tiếng địa phương khác nhau, độ dài giai đoạn bật ra của phụ âm tắc vô thanh cũng không giống nhau (xem bảng dưới đây).

Độ dài tương đối của giai đoạn bật ra ở các phụ âm đầu tắc vô thanh theo tỉ lệ phần trăm % so với độ dài chung của phụ âm).

Phụ âm	Tiếng địa phương	Hà Nội	Sơn Tây	Thái Bình	Phủ Thọ	Giá trị trung bình
(p) (1)		13	13	15	10	(13)
t		10	11	15	12	12
k		26	24	28	24	25
t' (2)		43	46	51	45	46
c		53	32	39	36	40
T (3)		—	—	48	—	(48)

Trong ngữ âm thực nghiệm, người ta thường dựa vào những đặc tính khác nhau sau đây để xác định mức độ biểu hiện của sự tắc sát hóa ở các phụ âm tắc:

2 — độ mạnh của giai đoạn bật ra.

3 - âm sắc của giai đoạn bật ra.

Giai đoạn bật ra của phụ âm càng dài thì tính tắc càng rõ. Các âm tắc đặc trưng bởi sự gia tăng cường độ rõ rệt ở giai đoạn nở. Còn ở

- (1) Phụ âm đầu [p] : chỉ gặp trong những từ vay mượn
- (2) Đối với phụ âm [t'] th, độ dài giai đoạn bắt ra bao gồm cả thời gian bật hơi
- (3) Phụ âm đầu [P] ở miền Bắc chỉ còn gặp trong tiếng Thái Bình và một vài thổ ngữ riêng biệt khác.

các âm tắc xát cường độ giai đoạn bật ra phát triển một cách điều hòa. Theo cứ liệu thực nghiệm mà chúng tôi thu được, độ dài giai đoạn bật ra của [c] (ch và tr trong tiếng Hà Nội) dài hơn gấp 3 lần độ dài giai đoạn này ở [p] và [t], và gần gấp đôi độ dài giai đoạn bật ra của [k]. Cường độ giai đoạn bật ra của [c] lại yếu hơn ở [p], [t], [k]. Điều đó chứng tỏ sự tắc xát hóa mạnh của phụ âm đầu [c] trong phát âm các tiếng địa phương miền Bắc. Trong các ngôn ngữ mà phụ âm tắc xát được coi là một loại âm vị độc lập (ví dụ: tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc v.v...), người ta đã rút ra mối quan hệ sau đây về độ dài giai đoạn tắc và giai đoạn bật ra của phụ âm tắc xát như sau:

1. Đối với các phụ âm tắc mặt lưỡi (dorsal), cùng với cường độ yếu của yếu tố xát, giai đoạn bật ra thường có độ dài lớn hơn giai đoạn tắc.

2. Đối với các phụ âm tắc có cấu âm đầu lưỡi (apical) và cong lưỡi (kakuminal) thì cường độ giai đoạn xát biểu hiện rõ rệt hơn và độ dài giai đoạn bật ra có thể không trội hơn độ dài giai đoạn tắc mà có thể còn ngắn hơn giai đoạn tắc / 2 /

Trong phát âm Hà Nội, phụ âm [c] ch, tr, là phụ âm mặt lưỡi trước — giữa, trường độ giai đoạn bật ra — tức giai đoạn xát — là 53%, trường độ giai đoạn tắc là 47%. Như vậy, về mặt ngữ âm phụ âm [c] trong tiếng Hà Nội rõ ràng là một phụ âm tắc xát (không nổ), chứ không phải là một phụ âm tắc (nổ).

Ta hãy so sánh độ dài các giai đoạn cấu âm của các phụ âm đầu tắc và phụ âm [c] trong tiếng Hà Nội:

	tắc	bật ra
[p] —————	87%	13%
[t] —————	89%	11%
[k] —————	75%	25%
[c] —————	47%	53%

Sự phức tạp hóa về phương thức cấu âm của phụ âm [c] trong tiếng Hà Nội đã được nhiều nhà nghiên cứu nhận thấy nhưng giải thích một cách khác nhau. Lê Văn Lý (1948), Mkhitarian (1959) miêu tả phụ âm [c] như một phụ âm [t'] ([t] mềm). Theo Gordina (1960) phụ âm [c] không phải là một phụ âm lưỡi giữa điển hình, về mặt cấu âm nó trùng với một âm tắc lưỡi trước ngạc hóa mạnh. Thompson (1965) gọi [c] là một phụ âm tắc với sự tắc xát nhẹ ở giai đoạn nổ. Riêng Maspéro (1912) coi đây là một phụ âm tắc xát và ghi bằng ký hiệu / CY /.

Trong phát âm của những nhân chứng quê ở Thái Bình phụ âm mặt lưỡi [c] phân biệt với phụ âm cong lưỡi [T]. Cả hai phụ âm này đều tắc xát hóa mạnh, đặc biệt là phụ âm đầu [T]. Trong phát âm của nhân chứng 5 (quê ở Thái Bình), độ dài giai đoạn xát của [T] đạt đến 51%, trong khi độ dài giai đoạn tắc là 49%. Trong phát âm của nhân chứng này, chỗ tắc

của [c] và [t] rất yếu, đôi khi hoàn toàn biến mất. Vì vậy phụ âm [T] — hay đúng hơn là [TS] — được phát âm gần giống như âm sát cong lưỡi [S]. Điều này thể hiện rất rõ trên ngạc đồ.

II — Sự hiện thực hóa về mặt ngữ âm của các phụ âm đầu sát.

Các phụ âm sát trong tiếng địa phương miền Bắc là một nhóm phụ âm lớn và đa dạng, đối lập với nhóm phụ âm tắc. Về mặt ngữ âm, các phụ âm sát tiếng Việt (tiếng Bắc) có thể hiện thực hóa như một trong hai biến thể sau đây xét về phương thức cấu âm:

1. như một phụ âm sát thuần túy [f, v, s, z, x, g].
2. hoặc như một phụ âm sát có yếu tố tắc mở đầu [pf, bv, ts, dz, kx, ɟg]

Đó là hai biến thể tự do, gặp ở cả 8 nhân chứng, què ở những vùng khác nhau ở đồng bằng Bắc Bộ, kể cả thủ đô Hà Nội.

Theo cứ liệu của ngạc đồ, sự mở đầu tắc của biến thể thứ hai thể hiện rất rõ và tần số xuất hiện của nó tăng dần theo mức độ lui dần về sau của tiêu điểm cấu âm (4).

Khả năng tồn tại của yếu tố tắc mở đầu các phụ âm sát làm cho sự phân biệt giữa phụ âm tắc và phụ âm sát ở giai đoạn giữ chỉ dựa trên độ dài của sự tắc: ở các phụ âm đầu tắc, thời gian tồn tại của yếu tố tắc dài hơn ở các phụ âm đầu sát. Do đó sự đối lập âm vị học của các phụ âm đầu tắc và các phụ âm đầu sát trong tiếng Việt chủ yếu dựa vào chất lượng của giai đoạn cấu âm thứ ba — tức giai đoạn lùi (nổ hoặc không nổ). Chính vì vậy, có thể nói rằng, về mặt âm vị học trong tiếng Việt có sự đối lập giữa nhóm các phụ âm đầu nổ và nhóm các phụ âm đầu không nổ, chứ không phải là giữa nhóm phụ âm tắc và phụ âm sát.

Về mặt cấu tạo, mỗi loại hình phụ âm sát có hình dáng và độ rộng đặc thù của khe, nơi luồng không khí thu hẹp trên lối ra của mình. Các phụ âm sát đầu lưỡi [s], [z] (trong các tiếng địa phương miền Bắc) là những phụ âm sát khe tròn, độ rộng của khe hẹp hơn so với độ rộng khe ở các phụ âm sát khe dẹt cong lưỡi [ʃ], [ʒ] (trong tiếng địa phương Thái Bình). Các phụ âm sát đầu lưỡi [s], [z] thường đi kèm với tiếng ồn có tần số cao hơn và cường độ mạnh hơn so với các phụ âm sát cong lưỡi. Do khác nhau về hình dáng và độ rộng của khe, và khác nhau về vị trí cấu âm, về hình dáng môi v.v... nên hiệu quả âm học của chúng cũng khác nhau: các âm sát khe dẹt [ʃ] [ʒ] [x] [g] thường có âm sắc trầm hơn các âm sát khe tròn [s], [z]. Các phụ âm sát môi — răng [f], [v] khác với tất cả các phụ âm sát khác bởi cường độ rất yếu của tiếng ồn.

Độ rộng của khe ở từng phụ âm sát cũng không cố định mà có thể thay đổi phụ thuộc vào bối cảnh ngữ âm và đặc điểm phát âm cá nhân. Cứ liệu thực nghiệm thu được cho phép nhận xét rằng: độ rộng của khe ở các phụ âm sát tiếng Việt (tiếng Bắc) có xu hướng thay đổi phụ thuộc

(4) Vì vậy biến thể có yếu tố tắc mở đầu của các phụ âm đầu lưỡi sau [kx], [gg] được nhiều nhà nghiên cứu nhận thấy (xem M.V. Gordina, L. Thompson, Đoàn Thiện Thuật v.v...)

vào loại hình âm tiết. Các phụ âm sát thường có khe hẹp hơn ở âm tiết mở so với ở âm tiết không mở. Trong 100 trường hợp phát âm phụ âm sát ở âm tiết mở có 53% trường hợp khe bị thu hẹp, 27% trường hợp khe giữ độ rộng trung bình và 18% — khe mở rộng hơn. Sự thay đổi độ rộng khe của các phụ âm sát khi kết hợp với các loại nguyên âm khác nhau về dòng, về độ năng, v.v... chưa được nghiên cứu trong công trình này.

Về mặt tiếng thanh, so với các phụ âm tắc tương ứng, các phụ âm sát vô thanh thường ít bị hữu thanh hóa khi đứng sau các âm tiết mở, nửa mở, nửa khép. Trong trường hợp bị hữu thanh hóa thì độ dài giai đoạn hữu thanh hóa ở các phụ âm sát vô thanh thường ngắn hơn ở các phụ âm tắc vô thanh tương ứng. Trong khi đó các phụ âm sát hữu thanh do ảnh hưởng của bối cảnh (ở đầu câu hay ở sau âm tiết khép) thường bị vô thanh hóa bộ phận và trở thành phụ âm bán hữu thanh, đôi khi chúng có thể bị vô thanh hóa hoàn toàn (biến thể này thường gặp trong tiếng địa phương Thái Bình). Các phụ âm sát hữu thanh ít bị tiền thanh hầu hóa hơn các phụ âm tắc hữu thanh (trừ phụ âm vang [l] có thể bị tiền thanh hầu hóa trong 24% trường hợp).

So sánh sự hiện thực hóa về vị trí cấu âm giữa các phụ âm tắc và phụ âm sát tương ứng, có thể nhận xét rằng, trong các bối cảnh ngữ âm khác nhau phụ âm sát thường có vị trí cấu âm ổn định hơn, ít bị biến đổi hơn so với các phụ âm tắc.

Như vậy đặc trưng vật lý của các phụ âm đầu trong tiếng Việt không phải là bất biến thể. Nếu về mặt âm vị học, đặc trưng khu biệt được coi là đơn trị thì về mặt ngữ âm nó hiện thực hóa không đơn trị mà rất đa dạng, bao gồm đồng thời nhiều đặc trưng ngữ âm khác nhau. Những đặc trưng này lại thay đổi phụ thuộc vào bối cảnh ngữ âm, vào đặc điểm phát âm địa phương, và đặc điểm phát âm cá nhân. Cũng như thế đối lập hữu thanh — vô thanh, thông tin về tính chất tắc — và sát của phụ âm đầu chứa đựng chủ yếu ở phần sau của phụ âm, tức là ở giai đoạn cấu âm thứ ba (giai đoạn lùi, giai đoạn bật ra). Trong tiếng Việt, sự tồn tại hay vắng mặt giai đoạn cấu âm thứ ba của phụ âm giúp ta phân biệt hệ thống phụ âm đầu với hệ thống phụ âm cuối, còn sự khác biệt về chất của giai đoạn cấu âm thứ ba (nở hoặc không nở) là đặc trưng quan trọng nhất để phân biệt hai nhóm phụ âm đầu tắc và sát.

Nghiên cứu sự hiện thực hóa về mặt ngữ âm của các thể đối lập âm vị học góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa âm vị học và ngữ âm học, hiểu rõ hơn sự ước lệ của lý thuyết phân loại lưỡng phân các đặc trưng khu biệt âm vị học của Jakobson, Fant, Halle, và chắc chắn sẽ góp phần vào việc nhận diện tự động lời nói tiếng Việt trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1 — Jakobson R., G. Fant and M. Halle, 1952. *Preliminaries to speech analysis: The distinctive features and their correlates*. Acoust. Lab. MIT Techn. Rep. No. 13, 4th printing publ. by The MIT Press, Cambridge, Mass. 1963.

- 2 — Kuznecova A. M., *Raznovidnost' i sposoba obrazovan'ia soglasnykh russkikh govorakh*. Trong quyển: Eksperimental'no-phoneticheski e issledovan'ie v oblast'i russkoj dialektologii, M. 1977,
3. Lê Văn Lý, *Le parle Vietnamiens*. Imp. ed. Hương Anh, Paris, 1948
4. Mkhitarian T.T., *Fonetika v'etnamskogo jazyka*. Izd. Vost. lit., M., 1959.
5. Gordina M. V., *Osnovnye voprosy foneticheskogo stroja v'etnamskogo jazyka*. Kand. diss., L., 1960.
6. Thompson L. C., *A Vietnamese Grammar*. Univ. of Washington Press, Seattle, 1965.
7. Maspéro H., *Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite : les initiales* (B.E.F.E.O. t. XII, N.I, Paris—Hanoi, 1912).
8. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*, Hà Nội, 1976.
9. Đinh Lê Thư, *K probleme dialektnog var'irovanija*. Kand. diss. L. 1981